

TỈNH CÀ MAU



THÔNG KÊ HIỆN TRẠNG ĐVHC CẤP TỈNH TRƯỚC SẮP XẾP
VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN SAU SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH

(Kèm theo Đề án số 02/ĐA-UBND ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

Số TT	Tên ĐVHC	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Quy mô kinh tế			Số ĐVHC cấp xã trước khi sắp xếp	Số ĐVHCV cấp cơ sở trực thuộc			Yếu tố đặc thù (nếu có)
		Diện tích (km2)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)	GRDP (triệu VND)	Tổng thu NSNN (triệu VND)	Thu nhập bình quân đầu người (triệu VND/năm)		Xã	Phường	Tổng	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
I	Hiện trạng												
1	Tỉnh Bạc Liêu	2.667,88	53,36	1.066.503	76,18	65.625.190	4.323.202	65,2	64	20	5	25	14 xã vùng dân tộc thiểu số



2	Tỉnh Cà Mau	5.274,50	105,49	1.540.169	110,01	87.535.463	6.158.769	55,3	100	35	4	39	- 03 xã, thị trấn đảo; - 06 xã vùng dân tộc thiểu số; - 06 xã đặc biệt khó khăn; - 31 xã an toàn khu
II	Kết quả												
	Tỉnh Cà Mau (mới)	7.942,38	158,85	2.606.672	186,19	153.160.653	10.481.971		164	55	9	64	

Ghi chú:

- Số liệu được tính đến ngày 31/12/2024
- Số liệu về tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP), tổng ngân sách nhà nước, thu nhập bình quân đầu người của 02 tỉnh Bạc Liêu và Cà Mau thống nhất sử dụng số liệu năm 2024 do Bộ Tài chính cung cấp (kèm Công văn số 05/CV-BCĐ ngày 24/4/2025 của Ban Chỉ đạo của Chính phủ).



TỈNH CÀ MAU

Phụ lục 1.2

**SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC,
VIÊN CHỨC ĐVHC CẤP TỈNH SAU SẮP XẾP**

(Kèm theo Đề án số 02/ĐA-UBND ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

Số TT	Đối tượng	Số lượng theo định mức được giao	Số lượng hiện có (số có mặt)	Số lượng thực hiện sắp xếp, tinh giản theo quy định hiện hành (theo Nghị định 178, Nghị định 67,... và các chính sách của địa phương)
I	2	3	4	5
I	TỈNH BẠC LIÊU	15.245	13.568	86
	Khối Đảng	763	688	22
1	Cán bộ	148	139	
2	Công chức	513	454	22
3	Viên chức	102	95	
	Khối Nhà nước	14.482	12.880	64
1	Cán bộ	77	50	
2	Công chức	1.485	1.388	48
3	Viên chức	12.920	11.442	16
II	TỈNH CÀ MAU	27.344	24.091	95
	Khối Đảng	871	815	14
1	Cán bộ	155	142	4
2	Công chức	607	573	9
3	Viên chức	109	100	1
	Khối Nhà nước	26.473	23.276	81



1	Cán bộ	64	61	1
2	Công chức	1.892	1.820	61
3	Viên chức	24.517	21.395	19
	TỔNG	42.589	37.659	181



Phụ lục 1.3

**PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ TRỤ SỞ CÔNG
DỰ KIẾN KHÔNG TIẾP TỤC SỬ DỤNG SAU SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH**

(Kèm theo Đề án số 02/ĐA-UBND ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

Số TT	Tên tỉnh	Số lượng	Phương án sắp xếp, xử lý			Lộ trình				
			Số lượng tiếp tục sử dụng	Số lượng không tiếp tục sử dụng	Phương án khác	2025	2026	2027	2028	2029
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Tỉnh Bạc Liêu	48	46	1	1	2				
2	Tỉnh Cà Mau	9		9		2	1	3	3	
	TỔNG	57	46	10	1	4	1	3	3	0